

MÔ HÌNH Z-SCORE (ALTMAN)

Mô hình hệ số Z-Score của Altman (1968) được tính toán dựa trên 5 biến, là kết hợp trọng số của các chỉ tiêu tài chính để đánh giá rủi ro phá sản của doanh nghiệp.

Ngày	12,800 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.3%	15.3%	6.7%

Hệ số nguy cơ phá sản

Z - score (sản xuất)
2023

1.58
(Ba3)
Nguy hiểm

Hệ số nguy cơ phá sản

Z'' - score (phi sản xuất)
2023

0.95
(B2)
Nguy hiểm

2023

DT thuần

1,455
tỷ VNĐ

YoY
▲ 142
▲ 10.9%

2023

LN sau thuế

11.2
tỷ VNĐ

YoY
▼ 4.40
▼ 28.4%

2023

ROE

3.3%

+/- YoY
▼ 1.6%

2023

ROA

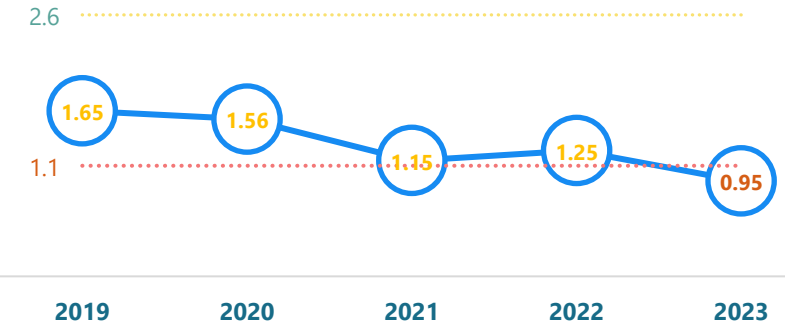
0.9%

+/- YoY
▼ 0.5%

Z - Score



Z'' - Score



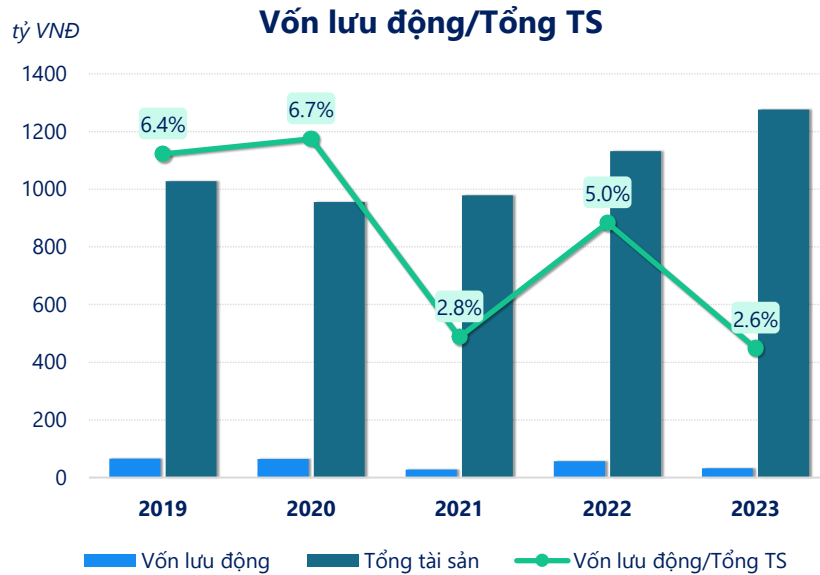
Xét với doanh nghiệp sản xuất: Z-Score của SJ1 năm 2023 đạt 1.58, thấp hơn so với năm 2022 (1.71). Z-Score < 1.81, cho thấy Doanh nghiệp nằm trong vùng nguy hiểm, nguy cơ phá sản cao.

Xét với doanh nghiệp phi sản xuất: Với Z''-Score là 0.95 < 1.1, cho thấy SJ1 nằm trong vùng nguy hiểm, có nguy cơ phá sản cao và không ổn định về tình hình tài chính.

Năm 2023, SJ1 ghi nhận doanh thu thuần 1,455 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 11.17 tỷ đồng, lần lượt tăng 10.9% và giảm 28.4% so với năm trước.

Kết quả kinh doanh chưa được cải thiện, với sự sụt giảm của lợi nhuận sau thuế. Với ROE bằng 10% cho thấy công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động và quản lý tài chính hiệu quả.

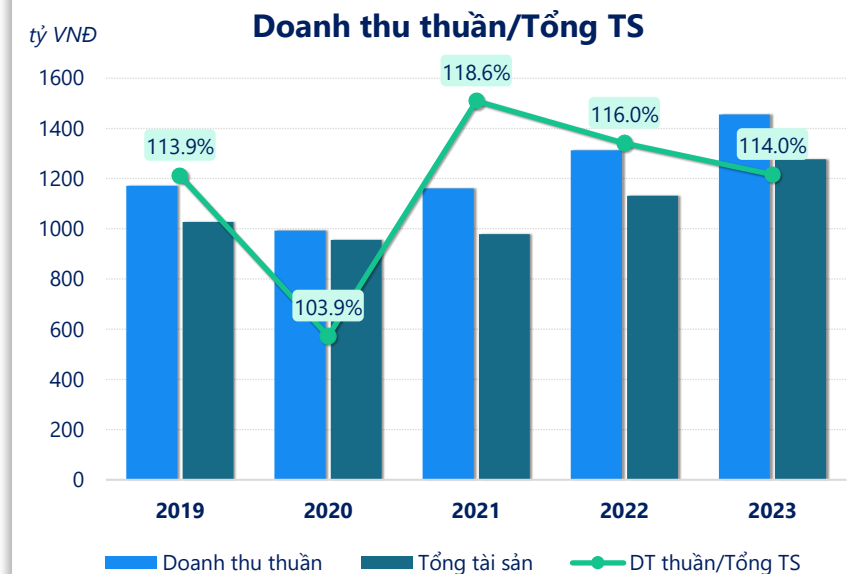
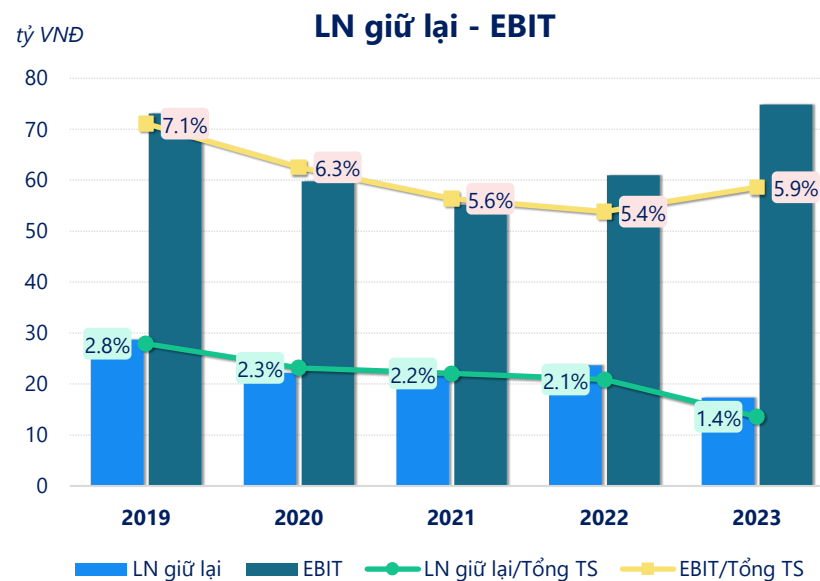
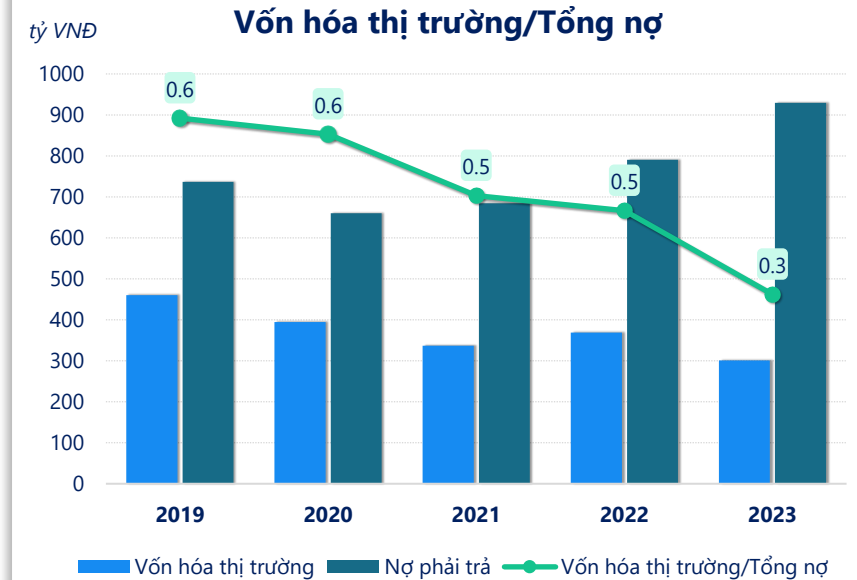
CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu (HNX: SJ1)



Vốn lưu động > 0 cho thấy mặc dù công ty vẫn có khả năng thanh khoản, tuy nhiên việc vốn lưu động giảm có thể tạo ra áp lực với khả năng thanh toán nợ ngắn hạn. Cần đánh giá thêm về tỷ lệ vốn lưu động/tổng tài sản, nếu tỷ lệ này thấp có thể gợi ý rằng công ty phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn dài hạn để duy trì hoạt động kinh doanh.

Tỷ lệ vốn hóa thị trường so với tổng nợ dưới 1 có thể cho thấy công ty đang gặp phải một số thách thức trong việc tạo ra giá trị cho cổ đông hoặc chưa thực sự quản lý nợ một cách hiệu quả.

Tóm lại, tùy thuộc loại hình doanh nghiệp sản xuất hoặc phi sản xuất để sử dụng mô hình Z-Score hoặc Z"-Score. Trong đó phải phân tích từng chỉ tiêu của mô hình để có cái nhìn tổng quan về sức khỏe tài chính của một doanh nghiệp. Qua đó đánh giá khả năng trả nợ và phá sản của doanh nghiệp đó.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	1,277	1,132	12.8%
Tài sản ngắn hạn	752	728	3.3%
Tiền và tương đương tiền	17.2	9.80	75.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	41.8	40.3	3.6%
Phải thu ngắn hạn	303	302	0.5%
Hàng tồn kho	360	355	1.2%
Tài sản ngắn hạn khác	30.3	21.0	44.6%
Tài sản dài hạn	525	404	29.8%
Phải thu dài hạn	2.49	3.64	-31.7%
Tài sản cố định	246	243	0.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	199	79.8	150%
Đầu tư tài chính dài hạn	31.1	32.5	-4.3%
Tài sản dài hạn khác	45.6	44.3	2.9%
Lợi thế thương mại	0.45	0.55	-17.6%
Nợ phải trả	929	790	17.6%
Nợ ngắn hạn	719	671	7.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	641	609	5.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	43.1	34.3	25.6%
Nợ dài hạn	210	119	76.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	158	77.6	104%
Nguồn vốn chủ sở hữu	347	342	1.6%
Vốn chủ sở hữu	347	342	1.6%
Vốn điều lệ	235	235	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	1,171	993	1,161	1,313	1,455
Giá vốn hàng bán	1,062	903	1,069	1,224	1,354
Lợi nhuận gộp	109	90.3	91.8	89.0	101
Doanh thu HĐTC	6.08	4.81	6.24	8.67	14.0
Chi phí TC	39.1	41.4	41.7	49.2	62.7
Chi phí lãi vay	38.3	38.6	38.4	41.1	54.9
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	19.9	15.1	22.1	17.2	13.6
Chi phí QLDN	21.4	18.5	16.4	19.9	19.7
LN thuần từ HĐKD	34.5	20.0	17.8	11.3	19.0
Lợi nhuận khác	0.26	1.11	-1.02	8.48	0.90
LN trước thuế	34.8	21.2	16.8	19.8	19.9
Lợi nhuận sau thuế	27.8	16.7	13.2	15.6	11.2
LNST của CĐ cty mẹ	27.8	16.7	13.2	15.6	11.3

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	19.8	-5.50	17.3	-51.2	123
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.36	-3.25	-30.3	-70.9	-214
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-16.9	-2.04	25.0	117	98.4
Tiền đầu kỳ	10.9	13.4	2.55	12.2	9.80
Lưu chuyển tiền thuần	2.49	-10.8	12.0	-5.52	7.91
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	-0.02	-0.01	0.39	-0.08
Tiền cuối kỳ	13.4	2.55	12.2	9.80	17.2